

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thiết kế chương trình Ngữ văn

(*Syllabus Design in Vietnamese Literature and Linguistics Education*)

- Mã số học phần: SG 205

- Số tín chỉ học phần: 2 tín chỉ

- Số tiết học phần: 30 tiết lý thuyết, 60 tiết tự học.

2. Đơn vị phụ trách học phần

- Bộ môn: Sư phạm Ngữ văn

- Khoa: Sư phạm

3. Điều kiện

- Điều kiện tiên quyết: SG139

- Điều kiện song hành: Không

4. Mục tiêu của học phần

Học xong học phần này, sinh viên có được:

| Mục tiêu | Nội dung mục tiêu | CDR CTĐT |
|----------|--|------------------|
| 4.1 | Kiến thức chuyên môn về phát triển chương trình theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong dạy học môn Ngữ văn. | 2.1.3 a |
| 4.2 | Khả năng xử lý thông tin và thiết kế hoạt động dạy học, giáo dục theo hướng phát triển năng lực học sinh phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018. | 2.2.1b 2.2.1c |
| 4.3 | Kỹ năng làm việc nhóm, phản biện và giải quyết vấn đề hiệu quả trong quá trình học tập và thiết kế hoạt động dạy học, giáo dục. | 2.2.2b |
| 4.4 | Hợp tác và giúp đỡ bạn bè trong quá trình học tập. | 2.3b |

5. Chuẩn đầu ra của học phần

| CDR HP | Nội dung chuẩn đầu ra | Mục tiêu | CDR CTĐT |
|--------|--|----------|----------|
| | Kiến thức | | |
| CO1 | Tổng hợp được kiến thức chuyên môn trong một kế hoạch giáo dục, bài dạy môn Ngữ Văn. | 4.1 | 2.1.3 a |

| CDR HP | Nội dung chuẩn đầu ra | Mục tiêu | CDR CTĐT |
|---------------|---|-----------------|-----------------|
| | Kiến thức | | |
| CO2 | Giải thích được các kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong thiết kế kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học môn Ngữ văn. | 4.1 | 2.1.2c |
| | Kỹ năng | | |
| CO3 | Chọn lọc được các thông tin phù hợp để thiết kế một kế hoạch giáo dục, dạy học môn Ngữ văn. | 4.2 | 2.2.1a |
| CO4 | Thiết kế và phân tích một kế hoạch giáo dục, dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn. | 4.2 | 2.2.1b |
| CO5 | Tuân thủ các nguyên tắc làm việc nhóm, tham gia đóng góp cho nhóm để hoàn thành các yêu cầu về thiết kế kế hoạch giáo dục, dạy học môn Ngữ văn. | 4.3 | 2.2.2b |
| | Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm | | |
| CO6 | Tự giác hoàn thành các yêu cầu học tập, hợp tác hiệu quả và giúp đỡ bạn bè trong quá trình học tập. | 4.4 | 2.3b |

6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Trong học phần này, SV sẽ được tìm hiểu về những vấn đề về chương trình, thiết kế chương trình. Cụ thể là trong chương 1, SV sẽ tìm hiểu về chương trình, cách thiết kế chương trình. Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể: nội dung, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực. Trong chương 2, SV sẽ tìm hiểu về Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể: đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, phương pháp giáo dục và kiểm tra đánh giá năng lực HS. Trong chương 3, SV sẽ tìm hiểu về Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn: đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về năng lực đọc, viết, nói và nghe, phương pháp giáo dục và kiểm tra đánh giá năng lực HS.

7. Cấu trúc nội dung học phần

7.1. Lý thuyết

| | Nội dung | Số tiết | CDR HP |
|------------------|---|----------------|---------------|
| Chương 1. | Chương trình và thiết kế chương trình | 4 | |
| 1.1. | Chương trình | | CO1 |
| 1.2. | Quy trình thiết kế chương trình | | CO1 |
| Chương 2. | Chương trình giáo dục giáo dục phổ thông | 4 | |
| 2.1. | Mục tiêu, đặc điểm của chương trình | | CO1; |
| 2.2. | Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung | | CO1 |

| | Nội dung | Số tiết | CDR HP |
|------------------|--|-----------|---------------|
| 2.3. | Phương pháp giáo dục và đánh giá năng lực học sinh | | CO2 |
| Chương 3. | Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn | 5 | |
| 3.1. | Mục tiêu, đặc điểm của chương trình Ngữ văn | | CO1 |
| 3.2. | Yêu cầu cần đạt về năng lực của môn Ngữ văn | | CO1 |
| 3.3. | Phương pháp giáo dục và đánh giá năng lực Ngữ văn của học sinh | | CO2 |
| Chương 4. | Kế hoạch giáo dục và dạy học môn Ngữ văn | 12 | |
| 3.1. | Kế hoạch giáo dục và kế hoạch dạy học | | CO1 |
| 3.2. | Phân loại kế hoạch giáo dục và kế hoạch dạy học | | CO6 |
| 3.3. | Thiết kế kế hoạch giáo dục và dạy học theo hướng năng lực Ngữ văn của học sinh | | CO3, CO4, CO5 |

7.2. Thực hành/Bài tập nhóm

| | Nội dung | Số tiết | CDR HP |
|---------------|---|---------|--------------------|
| Bài 1. | Thuyết trình về chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và chương trình của các môn học. | 1 | CO1; CO2; CO3 |
| Bài 2. | Vẽ và phân tích được sơ đồ đường phát triển năng lực môn Ngữ văn. | 1 | CO1; CO2; CO3 |
| Bài 3. | Thiết kế một kế hoạch giáo dục, dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn. | 3 | CO3, CO4, CO5; CO6 |

8. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Sử dụng phương tiện trực quan
- Tổ chức cho SV thuyết trình
- Tổ chức cho SV trải nghiệm

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

10.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

| TT | Điểm thành phần | Quy định | Trọng số | CDR HP |
|----|----------------------------|---|----------|------------------------------|
| 1 | Điểm quá trình | - Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập | 50% | CO1; CO2; CO3, CO4, CO5; CO6 |
| 2 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi viết hoặc bài thu hoạch | 50% | CO1; CO2; CO3, CO4, CO5 |

10.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

11. Tài liệu học tập

| Thông tin về tài liệu | Số đăng ký cá biệt |
|--|---|
| [1] Nguyễn Văn Khôi (2013). Phát triển chương trình giáo dục. Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội. | MOL.078923 MON.052439 |
| [2] M A Danilov (1980). Lí luận dạy học của trường phổ thông. Một số vấn đề của lí luận dạy học hiện đại. NXB Giáo Dục, Hà Nội | MOL.009490 MOL.009491 MOL.066509 SP.003716 |
| [3] Nguyễn Công Khanh (2014). Đánh giá trong giáo dục. Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội. | SP.022775 |
| [4] Bộ GD và ĐT (2018). Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể; Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn | |

12. Hướng dẫn sinh viên tự học

| Nội dung | Lý thuyết (tiết) | Bài tập (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên |
|---|------------------|----------------|---|
| Chương 1: Chương trình 1.1. Chương trình 1.2. Các nguyên tắc phát triển chương trình | 4 | 1 | -Nghiên cứu trước: +Tài liệu [1], [2] và [3] |

| Nội dung | Lý thuyết (tiết) | Bài tập (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên |
|--|------------------|----------------|--|
| Chương 2: Tổng quan về chương trình giáo dục phổ thông 2.1. Mục tiêu, đặc điểm 2.2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực 2.3. Phương pháp giáo dục và đánh giá | 4 | 1 | -Nghiên cứu trước: +Tài liệu +Tài liệu [1], [2] và [4] - Bài tập 1: thuyết trình về CTGDPT tổng thể |
| Chương 3: Chương trình giáo dục phổ thông của môn KHXH 3.1. Mục tiêu, đặc điểm 3.2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực 3.3. Phương pháp giáo dục và đánh giá | 5 | | -Nghiên cứu trước: +Tài liệu +Tài liệu [1], [2], [3] và [4] - Bài tập 2: Vẽ và phân tích sơ đồ đường phát triển năng lực |
| Chương 4: Kế hoạch giáo dục và dạy học các môn Ngữ văn 4.1. Kế hoạch giáo dục và kế hoạch dạy học 4.2. Phân loại kế hoạch giáo dục và kế hoạch dạy học 4.3. Thiết kế kế hoạch giáo dục và dạy học theo hướng năng lực Ngữ văn của học sinh | 12 | 3 | -Nghiên cứu trước: +Tài liệu +Tài liệu [1], [2], [3] và [4] - Bài tập 3: Thiết kế chủ đề dạy học theo chương trình giáo dục của môn học. |

Cần Thơ, ngày 06 tháng 9 năm 2024


TRƯỜNG
TRƯỞNG KHOA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CẦN THƠ
 *Huỳnh Anh Huy

TRƯỞNG BỘ MÔN


Nguyễn Thị Hồng Hạnh